

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Du**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1989 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 22 tháng 5 năm 2020)

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Quang D**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:**

Hôn nhân giữa chị và anh Dương Quang D do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày

22 tháng 6 năm 2011. Sau ngày cưới vợ chồng sống và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh D có người phụ nữ khác, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi đến năm 2017 anh D bỏ mẹ con chị đi đến nay không về thăm vợ con. Chị và anh D không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Quang D

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Dương Tiến Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 hiện đang sống với chị Q. Sau khi ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn anh Dương Quang D:**

Anh Dương Quang D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh D không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh D cố tình không hợp tác.

*** Ý kiến của cháu Dương Tiến Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản chính, giấy khai sinh bản sao, bảng khai ý kiến của cháu Dương Tiến Đ, đơn xin xác nhận bản gốc, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Dương Quang D không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh D không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2021 Tòa án đã tiến hành xác minh anh Lý Thiện H là công an viên phụ trách ấp Đ, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo anh H trình bày thì anh D còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã T, hiện anh D đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn có về địa phương. Anh D và chị Q kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới chị Q anh D không có sinh sống tại địa phương. Anh có nghe chị của anh D là Dương Thị Cẩm H nói là anh D chị Q không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Chị Q và anh D có một người con chung hiện đang sống với chị Q.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Dương Quang D.

- Về con chung: Giao cháu Dương Tiến Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 cho chị Lê Thị Q nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh Dương Quang D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc chị Lê Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Dương Quang D cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh D biết chị Q yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án, ngày 22 tháng 5 năm 2020 chị Q có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D, chị Q theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Q và anh Dương Quang D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22 tháng 6 năm 2011. Theo lời trình bày của chị Q thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D có người phụ nữ khác, chị khuyên can nhưng anh không sửa đổi, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Q yêu cầu ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Lê Thị Q yêu cầu nuôi cháu Dương Tiến Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 không yêu cầu anh Dương Quang D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Q nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Q.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Dương Quang D.

[2] Con chung: Giao cháu Dương Tiến Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 cho chị Lê Thị Q nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh Dương Quang D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Quang D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Q nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008014 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui